

**Võ Thị Nhật Minh**  
Trưởng phòng, Nghiên Cứu ETF  
minh.vtn@hsc.com.vn  
+84 28 3823 3299 Ext. 365

## Kết quả review quỹ Fubon FTSE VN ETF nửa đầu năm 2026: Thêm vào 3 cổ phiếu chứng khoán, DGC & VGC bị loại

- Chỉ số FTSE Vietnam 30 Index, chỉ số tham chiếu của quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF, đã thêm ba công ty chứng khoán vừa niêm yết là TCX, VCK và VPX vào giỏ, đồng thời loại ra DGC và VGC, hai cổ phiếu có tỷ trọng lần lượt là 1,5% và 0,2%.
- Quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF tiến hành tái cơ cấu danh mục ngày 16-24/3/2026. Quỹ đã mua mới khoảng 4 triệu cổ phiếu TCX, 15,3 triệu cổ phiếu VCK và 3,5 triệu cổ phiếu VPX, trong khi bán ra toàn bộ 62,1 triệu cổ phiếu DGC và 0,6 triệu cổ phiếu VGC. Quỹ cũng ghi nhận áp lực bán lớn đối với BSR (19,3 triệu cổ phiếu) và VIC (7,1 triệu cổ phiếu).

### Chỉ số FTSE Vietnam 30 đã thêm vào TCX, VCK và VPX, đồng thời loại ra DGC và VGC

Cụ thể, Chứng khoán Techcom (TCX), Chứng khoán VPS (VCK) và Chứng khoán VPBank (VPX) được thêm vào giỏ chỉ số với tỷ trọng lần lượt là 2%, 5,4% và 1%. Vốn hóa thị trường của các cổ phiếu này ước tính khoảng 116 nghìn tỷ đồng (4,5 tỷ USD), 86,8 nghìn tỷ đồng (3,3 tỷ USD) và 55,3 nghìn tỷ đồng (2,1 tỷ USD), nhờ có thanh khoản mạnh, tỷ lệ sở hữu nước ngoài Khả dụng cao và tỷ lệ free-float trên 10%.

Ngược lại, Hóa chất Đức Giang (DGC) và Viglacera (VGC) bị loại ra khỏi giỏ chỉ số do có vốn hóa thị trường tương đối nhỏ, lần lượt khoảng 19,9 nghìn tỷ đồng (khoảng 0,7 tỷ USD) và 19,3 nghìn tỷ đồng (khoảng 0,7 tỷ USD), nên không còn nằm trong nhóm 40 công ty niêm yết có vốn hóa lớn nhất.

Ngoài ra, tỷ trọng của BSR bị giảm mạnh từ 7,5% xuống còn 1,3%, điều này là do tỷ lệ free-float thấp (khoảng 8%) và rủi ro hủy niêm yết khi không còn đáp ứng đủ các điều kiện của một công ty đại chúng.

Tỷ trọng của Vingroup (VIC) cũng bị điều chỉnh giảm mạnh do vi phạm quy định giới hạn tỷ trọng. Chỉ số FTSE Vietnam 30 giới hạn tỷ trọng mỗi cổ phiếu ở mức 10%. Vì tỷ trọng của VIC trước khi cơ cấu vượt quá 19%, nên đã bị điều chỉnh giảm xuống còn khoảng 9%. Do đó, VHM (Vinhomes) đã trở thành cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất trong giỏ chỉ số, ở mức 10%.

### Quỹ Fubon ETF mua vào một lượng lớn cổ phiếu TCX, VCK và VPX

Trong giai đoạn tái cơ cấu danh mục (từ ngày 16 đến ngày 24/3/2026), quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF đã mua mới 4 triệu cổ phiếu TCX, 15,3 triệu cổ phiếu VCK và 3,5 triệu cổ phiếu VPX, đồng thời bán ra toàn bộ cổ phiếu DGC (2,1 triệu cổ phiếu) và VGC. Bên cạnh đó, quỹ cũng mua vào một lượng lớn cổ phiếu Hòa Phát (HPG; 6,3 triệu cổ phiếu) và Chứng khoán VIX (VIX; 2,8 triệu cổ phiếu); trong khi giảm mạnh vị thế tại BSR (19,3 triệu cổ phiếu) và Vingroup (VIC; 7,1 triệu cổ phiếu).

### Quỹ Fubon ETF bị rút vốn mạnh

Tính từ đầu năm đến nay, quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF bị rút một lượng vốn lớn, khoảng 40,4 triệu USD. Chỉ riêng trong tháng 3, quỹ bị rút 11,3 triệu USD.

*Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 26/3.*

**Bảng 1: Kết quả review FTSE Vietnam 30 Index nửa đầu năm 2026**

| Kết quả review nửa đầu năm 2026 | Cổ phiếu | Tỷ trọng ngày 16/3 (trước khi tái cơ cấu) | Tỷ trọng mới | Tỷ trọng hiện tại (tỷ đồng) |
|---------------------------------|----------|-------------------------------------------|--------------|-----------------------------|
| Thêm vào                        | TCX      | 0.0%                                      | 2.0%         | 116,966                     |
|                                 | VCK      | 0.0%                                      | 5.4%         | 86,805                      |
|                                 | VPX      | 0.0%                                      | 1.0%         | 55,313                      |
| Loại ra                         | DGC      | 1.5%                                      | 0.0%         | 19,938                      |
|                                 | VGC      | 0.2%                                      | 0.0%         | 19,301                      |

Nguồn: Bloomberg, HSC

## Cập nhật: Các thành phần mới của quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF – tháng 3/2026

Quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF đã công bố cổ phiếu thành phần mới trong giỏ chỉ số sau đợt review nửa đầu năm 2026 vào tháng 3. Các cổ phiếu, TCX, VCK và VPX được thêm vào, trong khi DGC và VGC bị loại. Thành phần danh mục cập nhật đã được công bố sau khi quỹ ETF hoàn thành quá trình tái cơ cấu danh mục trong giai đoạn từ ngày 16 đến ngày 24/3/2026.

### DGC và VGC bị loại; ba công ty môi giới chứng khoán được thêm vào

Chỉ số FTSE Vietnam 30 bao gồm 30 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất trên sàn HSX sau khi xem xét giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và thanh khoản. Điều này phản ánh toàn diện diễn biến của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trong đợt review bán niên nửa đầu năm 2026, chỉ số FTSE Vietnam 30 quyết định thêm TCX, VCK và VPX vào giỏ chỉ số với tỷ trọng 2%, 5,4% 1% trong khi loại ra DGC và VGC do có vốn hóa thấp. Chỉ số Fubon FTSE VN30 không đưa ra thông báo rõ ràng cho đến khi quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF hoàn thành tái cơ cấu danh mục.

Trong đợt review này, các mã TCX, VCK và VPX có vốn hóa thị trường tương đối lớn, lần lượt khoảng 116 nghìn tỷ đồng (4,5 tỷ USD), 86,8 nghìn tỷ đồng (3,3 tỷ USD) và 55,3 nghìn tỷ đồng (2,1 tỷ USD). Thanh khoản của các cổ phiếu này cũng rất mạnh với giá trị giao dịch bình quân ngày lần lượt đạt 147 tỷ đồng, 182 tỷ đồng và 87 tỷ đồng. Thêm vào đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài khả dụng vẫn ở mức cao (90%, 95,5% và 94,8%) và tỷ lệ free-float đều trên 10%, là những yếu tố then chốt hỗ trợ cho quyết định thêm vào giỏ chỉ số.

Ngược lại, DGC và VGC bị loại bỏ chủ yếu do vốn hóa thị trường thấp, hiện chỉ quanh mức 19,9 nghìn tỷ đồng và 19,3 nghìn tỷ đồng.

Như vậy, sau đợt review này, tổng số cổ phiếu trong quỹ FTSE Vietnam VN30 ETF là 30 cổ phiếu. Chúng tôi dự báo 5 cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất là Vinhomes - VHM (10,4%), Hòa Phát - HPG (10,1%), Vingroup - VIC (9%), Vietcombank - VCB (6,1%) và Masan - MSN (6,1%), đóng góp khoảng 41,5% tổng tỷ trọng.

### Các cổ phiếu được mua vào/bán ra để tái cơ cấu danh mục

Quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF lấy chỉ số FTSE Vietnam 30 làm cơ sở có tổng tài sản quản lý là 466 triệu USD với tổng số chứng chỉ quỹ là 736 triệu chứng chỉ. Trong đợt tái cơ cấu danh mục này, quỹ Fubon ETF mua vào nhiều cổ phiếu hơn bán ra. Theo dữ liệu của Bloomberg, quỹ ETF này đã mua mới 4 triệu cổ phiếu TCX, 15,3 triệu cổ phiếu VCK và 3,5 triệu cổ phiếu VPX cho danh mục đầu tư của mình, đồng thời bán ra toàn bộ 2,1 triệu cổ phiếu DGC và 0,5 triệu cổ phiếu VGC. Quỹ này cũng mua vào một lượng lớn cổ phiếu HPG (6,3 triệu cổ phiếu), VIX (2,8 triệu cổ phiếu) và VIC (2,4 triệu cổ phiếu), đồng thời bán ra một lượng lớn cổ phiếu BSR (19,3 triệu cổ phiếu) và VIC (7,1 triệu cổ phiếu).

Từ đầu năm đến nay, quỹ Fubon ETF bị rút ròng khoảng 40,3 triệu USD, trong đó có 11,3 triệu USD bị rút chỉ trong tháng 3. Hiện tại, chứng chỉ quỹ của quỹ ETF này đang được giao dịch với mức chiết khấu bình quân là 1,3%. Quỹ Fubon thường mua vào cổ phiếu khi thị trường giảm điểm và ngược lại.

Đợt review bán niên tiếp theo sẽ diễn ra vào tháng 9/2026.

**Bảng 2: Các cổ phiếu thành phần của Vietnam 30 Index 6 tháng đầu năm 2026**

Thêm vào TCX, VCK, VPX &amp; loại ra DGC, VGC

| Mã CK            | Doanh nghiệp                     | Vốn hóa (tỷ đồng) | Tỷ trọng     |
|------------------|----------------------------------|-------------------|--------------|
| VHM              | Vinhomes JSC                     | 406,634           | 10.4%        |
| HPG              | Hoa Phat Group JSC               | 199,178           | 10.1%        |
| VIC              | Vingroup JSC                     | 955,548           | 8.9%         |
| VCB              | Bank For Foreign Trade JSC       | 486,300           | 6.1%         |
| MSN              | Masan Group Corp                 | 104,251           | 6.1%         |
| SSI              | Ssi Securities Corp              | 64,519            | 5.6%         |
| <b>VCK</b>       | <b>Vps Securities JSC</b>        | <b>86,805</b>     | <b>5.4%</b>  |
| VNM              | Vietnam Dairy Products JSC       | 127,905           | 4.9%         |
| VIX              | Vix Securities JSC               | 38,347            | 4.6%         |
| STB              | Saigon Thuong Tin Commercial     | 114,621           | 4.3%         |
| VJC              | Vietjet Aviation JSC             | 90,517            | 3.1%         |
| VCI              | Vietcap Securities JSC           | 28,903            | 2.9%         |
| VRE              | Vincom Retail JSC                | 57,490            | 2.8%         |
| SHB              | Saigon - Hanoi Commercial        | 66,379            | 2.5%         |
| VND              | Vndirect Securities Corp         | 22,911            | 2.0%         |
| <b>TCX</b>       | <b>Techcom Securities JSC</b>    | <b>116,966</b>    | <b>2.0%</b>  |
| GEX              | Gelex Group JSC                  | 30,321            | 1.9%         |
| BID              | Bank For Investment And Deve     | 274,535           | 1.8%         |
| KDH              | Khang Dien House Trading And     | 28,055            | 1.7%         |
| FRT              | Fpt Digital Retail JSC           | 26,908            | 1.6%         |
| TPB              | Tien Phong Commercial Joint      | 43,830            | 1.6%         |
| KBC              | Kinh Bac City Development Ho     | 26,040            | 1.6%         |
| EIB              | Vietnam Export-Import Commer     | 41,259            | 1.5%         |
| BSR              | Binh Son Refining And Petroc     | 132,193           | 1.3%         |
| <b>VPX</b>       | <b>Vp Bank Securities Ltd Co</b> | <b>55,313</b>     | <b>1.0%</b>  |
| BVH              | Bao Viet Holdings                | 59,609            | 0.9%         |
| POW              | Petrovietnam Power Corp          | 38,962            | 0.9%         |
| SAB              | Saigon Beer Alcohol Beverage     | 57,844            | 0.7%         |
| HVN              | Vietnam Airlines JSC             | 64,252            | 0.6%         |
| PLX              | Vietnam National Petroleum G     | 50,570            | 0.3%         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                  |                   | <b>99.1%</b> |

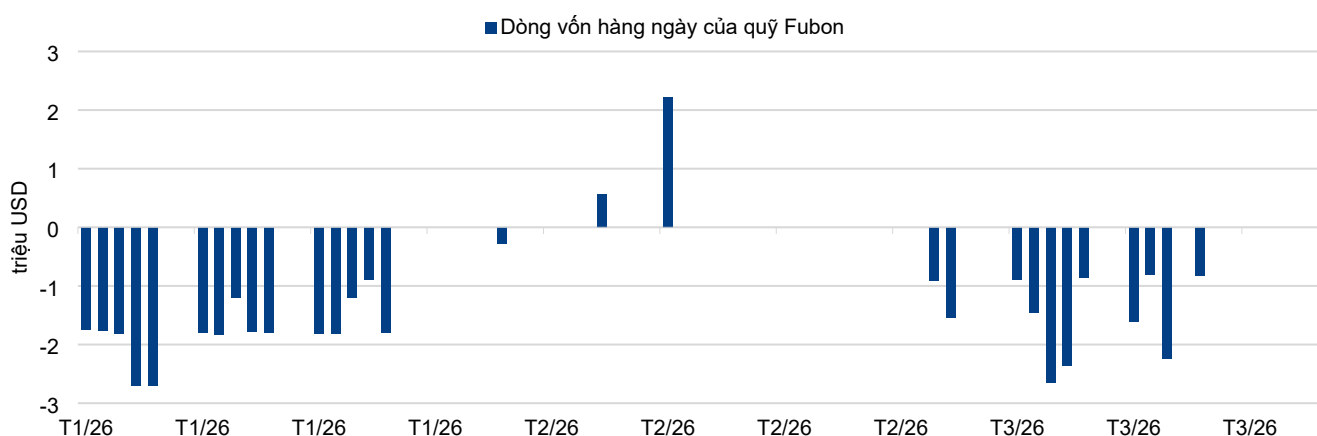
*Nguồn: Bloomberg, Website các quỹ, HSC*

**Bảng 3: Số cổ phiếu mua vào/bán ra của quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF trong thời gian tái cơ cấu**

Quỹ Fubon ETF đã mua mới vào 4 triệu cp TCX; 15,3 triệu cp VCK; 3,5 triệu cp VPX và đã bán ra toàn bộ 2,1 triệu cp DGC; 0,5 triệu cp VGC

| Mã CK            | Doanh nghiệp                 | Tỷ trọng trước khi tái cơ cấu | Tỷ trọng sau khi tái cơ cấu | Số lượng cổ phiếu trước khi tái cơ cấu | Số lượng cổ phiếu sau khi tái cơ cấu | Số cổ phiếu thay đổi |
|------------------|------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|----------------------|
| VCK              | Vps Securities JSC           | 0.0%                          | 5.4%                        | -                                      | 15,334,000                           | 15,334,000           |
| HPG              | Hoa Phat Group JSC           | 8.2%                          | 10.1%                       | 32,650,995                             | 39,029,995                           | 6,379,000            |
| TCX              | Techcom Securities JSC       | 0.0%                          | 2.0%                        | -                                      | 4,000,000                            | 4,000,000            |
| VPX              | Vp Bank Securities Ltd Co    | 0.0%                          | 1.0%                        | -                                      | 3,500,000                            | 3,500,000            |
| VIX              | Vix Securities JSC           | 4.1%                          | 4.6%                        | 26,843,800                             | 29,654,800                           | 2,811,000            |
| VCI              | Vietcap Securities JSC       | 2.1%                          | 2.9%                        | 6,109,165                              | 8,556,165                            | 2,447,000            |
| SSI              | Ssi Securities Corp          | 5.2%                          | 5.6%                        | 19,699,152                             | 21,644,152                           | 1,945,000            |
| SHB              | Saigon - Hanoi Commercial    | 2.2%                          | 2.5%                        | 15,574,547                             | 17,205,547                           | 1,631,000            |
| VHM              | Vinhomes JSC                 | 8.7%                          | 10.4%                       | 9,284,284                              | 10,614,284                           | 1,330,000            |
| VND              | Vndirect Securities Corp     | 1.9%                          | 2.0%                        | 12,251,500                             | 13,460,500                           | 1,209,000            |
| VRE              | Vincom Retail JSC            | 2.5%                          | 2.8%                        | 10,187,180                             | 11,253,180                           | 1,066,000            |
| VCB              | Bank For Foreign Trade JSC   | 5.3%                          | 6.1%                        | 9,572,919                              | 10,517,919                           | 945,000              |
| TPB              | Tien Phong Commercial Joint  | 1.4%                          | 1.6%                        | 9,405,500                              | 10,333,500                           | 928,000              |
| VNM              | Vietnam Dairy Products JSC   | 4.2%                          | 4.9%                        | 7,294,100                              | 8,058,100                            | 764,000              |
| MSN              | Masan Group Corp             | 5.3%                          | 6.1%                        | 7,703,396                              | 8,464,396                            | 761,000              |
| STB              | Saigon Thuong Tin Commercial | 4.0%                          | 4.3%                        | 6,391,700                              | 7,060,700                            | 669,000              |
| EIB              | Vietnam Export-Import Commer | 1.3%                          | 1.5%                        | 6,309,540                              | 6,931,540                            | 622,000              |
| KDH              | Khang Dien House Trading And | 1.5%                          | 1.7%                        | 6,285,167                              | 6,905,167                            | 620,000              |
| KBC              | Kinh Bac City Development Ho | 1.5%                          | 1.6%                        | 5,214,966                              | 5,729,966                            | 515,000              |
| GEX              | Gelex Group JSC              | 1.6%                          | 1.9%                        | 5,099,702                              | 5,602,702                            | 503,000              |
| BID              | Bank For Investment And Deve | 1.6%                          | 1.8%                        | 4,333,000                              | 4,761,000                            | 428,000              |
| HAV              | Vietnam Airlines JSC         | 0.6%                          | 0.6%                        | 2,831,000                              | 3,110,000                            | 279,000              |
| VJC              | Vietjet Aviation JSC         | 2.6%                          | 3.1%                        | 1,835,845                              | 2,017,845                            | 182,000              |
| SAB              | Saigon Beer Alcohol Beverage | 0.6%                          | 0.7%                        | 1,508,778                              | 1,657,778                            | 149,000              |
| BVH              | Bao Viet Holdings            | 0.7%                          | 0.9%                        | 1,077,500                              | 1,183,500                            | 106,000              |
| FRT              | Fpt Digital Retail JSC       | 1.3%                          | 1.6%                        | 943,250                                | 1,036,250                            | 93,000               |
| PLX              | Vietnam National Petroleum G | 0.3%                          | 0.3%                        | 781,900                                | 860,900                              | 79,000               |
| POW              | Petrovietnam Power Corp      | 0.9%                          | 0.9%                        | 6,954,610                              | 6,954,610                            | -                    |
| VGC              | Viglacera Corp JSC           | 0.2%                          | 0.0%                        | 560,900                                | -                                    | (560,900)            |
| DGC              | Duc Giang Chemicals JSC      | 1.5%                          | 0.0%                        | 2,102,900                              | -                                    | (2,102,900)          |
| VIC              | Vingroup JSC                 | 19.4%                         | 8.9%                        | 14,307,550                             | 7,193,550                            | (7,114,000)          |
| BSR              | Binh Son Refining And Petroc | 7.5%                          | 1.3%                        | 24,308,295                             | 4,921,295                            | (19,387,000)         |
| <b>Tổng cộng</b> |                              | <b>98.3%</b>                  | <b>99.1%</b>                |                                        |                                      |                      |

Nguồn: Bloomberg, Website các quỹ, HSC

**Biểu đồ 4: Dòng vốn hàng ngày của quỹ Fubon FTSE Vietnam**

Bảng 5: Thông tin quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF

|                         | Cuối năm-2025 | Hiện tại | Thay đổi từ đầu năm |
|-------------------------|---------------|----------|---------------------|
| Số lượng CCQ (triệu cp) | 804           | 736      | -68.0               |
| NAV (USD)               | 0.58          | 0.53     | -8.3%               |
| Quy mô (triệu USD)      | 466.5         | 391.5    | -16.1%              |

Nguồn: Bloomberg, Website các quỹ, HSC

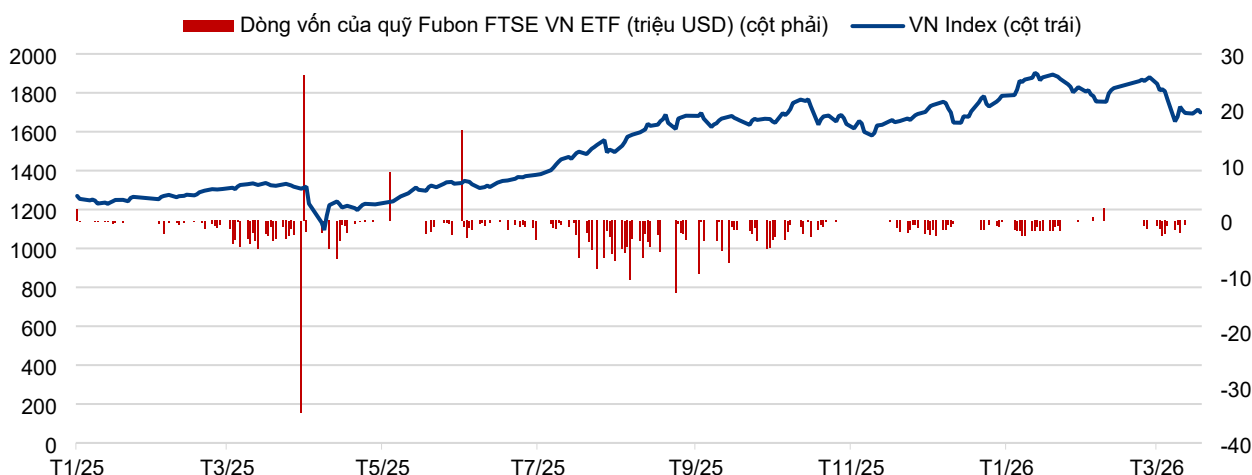
Bảng 6: Các cổ phiếu niêm yết được đề cập đến trong báo cáo này

| Mã CK | Ngành*                                     | Thị giá (đồng) | Vốn hóa (triệu USD) | Khuyến nghị   | Giá mục tiêu (đồng) |
|-------|--------------------------------------------|----------------|---------------------|---------------|---------------------|
| VIC   | Đa ngành                                   | 124,000        | 35,428              | Bán ra        | 62,500              |
| VCB   | Ngân hàng                                  | 58,200         | 18,451              | Mua vào       | 73,000              |
| VHM   | Phát triển BDS                             | 99,000         | 15,428              | Nắm giữ       | 123,300             |
| BID   | Ngân hàng                                  | 39,100         | 10,416              | Tăng tỷ trọng | 46,300              |
| HPG   | Vật liệu – Kim loại công nghiệp            | 25,950         | 7,557               | Mua vào       | 36,300              |
| TCX   | Chứng khoán                                | 50,600         | 5,325               | Mua vào       | 78,200              |
| BSR   | Năng lượng - Dầu khí                       | 26,400         | 5,015               | Nắm giữ       | 34,000              |
| VNM   | Hàng tiêu dùng thiết yếu – TP&ĐU, Thuốc lá | 61,200         | 4,853               | Tăng tỷ trọng | 70,600              |
| STB   | Ngân hàng                                  | 60,800         | 4,349               | Giảm tỷ trọng | 57,600              |
| MSN   | Hàng tiêu dùng thiết yếu – TP&ĐU, Thuốc lá | 72,100         | 3,955               | Mua vào       | 109,600             |
| VJC   | Vận tải                                    | 153,000        | 3,437               | Bán ra        | 119,700             |
| HVN   | Vận tải                                    | 20,650         | 2,440               | Tăng tỷ trọng | 34,600              |
| BVH   | Bảo hiểm                                   | 80,300         | 2,262               | Mua vào       | 66,100              |
| SSI   | Chứng khoán                                | 25,900         | 2,242               | Mua vào       | 38,438              |
| SAB   | Hàng tiêu dùng thiết yếu – TP&ĐU, Thuốc lá | 45,100         | 2,195               | Mua vào       | 60,000              |
| VRE   | Phát triển BDS                             | 25,300         | 2,181               | Mua vào       | 39,600              |
| PLX   | Dịch vụ tiện ích - Gas                     | 39,800         | 1,954               | Bán ra        | 43,000              |
| TPB   | Ngân hàng                                  | 15,800         | 1,663               | Mua vào       | 20,000              |
| POW   | Dịch vụ tiện ích - Điện                    | 12,700         | 1,365               | Mua vào       | 15,291              |
| KDH   | Phát triển BDS                             | 25,000         | 1,064               | Mua vào       | 37,000              |
| FRT   | Hàng tiêu dùng không thiết yếu – Bán lẻ    | 158,000        | 1,021               | Tăng tỷ trọng | 174,900             |
| KBC   | Phát triển BDS                             | 27,650         | 988                 | Mua vào       | 44,500              |
| VND   | Chứng khoán                                | 15,050         | 869                 | Tăng tỷ trọng | 23,000              |
| DGC   | Vật liệu – Hóa chất                        | 52,500         | 756                 | Tăng tỷ trọng | 82,600              |
| VCI   | Chứng khoán                                | 34,000         | 740                 | Mua vào       | 43,800              |
| VGC   | Phát triển BDS                             | 43,050         | 732                 | Tăng tỷ trọng | 52,800              |

\*Theo phân loại của HSC  
Nguồn: HSC

Biểu đồ 7: Dòng vốn của quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF và chỉ số VN Index

Quỹ Fubon FTSE VN ETF thường bán ra khi thị trường tăng điểm và ngược lại



Nguồn: Bloomberg, HSC

## Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

### Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng  
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng  
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng  
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng  
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM  
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

#### TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB  
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP.HCM  
T: (+84 28) 3823 3299  
F: (+84 28) 3823 3301

#### CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone  
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm  
T: (+84 24) 3933 4693  
F: (+84 24) 3933 4822

E: [info@hsc.com.vn](mailto:info@hsc.com.vn) W: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)